TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 31-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Thuý.

Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc C – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Võ Trần Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn N; sinh ngày 01/01/1962 tại Campuchia; nơi cư trú: Tổ 7, Khu phố 3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nm; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nm; con ông Dương Văn Q và bà Trần Thị M; có vợ tên Phan Thị P, sinh năm 1972 và 03 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

2. Lâm Thành H; Sinh ngày 08/8/1986 tại Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 15, Khu phố 1, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nm; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nm; con ông Lâm Thành Đ và bà Phạm Thị P2; có vợ tên Nguyễn Bích T, sinh năm 1980 và 02 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

3. Lê Kim S; Sinh ngày 02/02/1987 tại An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nm; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nm; con ông Lê Kiến A và bà Nguyễn Thị T2; có vợ tên Hồ Thị Diễm M, sinh năm 1998 và 01 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

Người làm chứng:

1- Ông Nguyễn Ngọc M; (vắng mặt)

2- Anh Trương H L. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSHT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Dương Văn N, Lâm Thành H và Lê Kim S về hành vi như sau:

Vào đầu tháng 6/2019, Dương Văn N đến gặp ông Nguyễn Ngọc M (sinh năm 1978, ngụ tại khu phố 2, phường 10, thành phố T, tỉnh Tiền Giang) mua 01 chiếc xe ô tô tải mang biển kiểm soát 64C-023.18 (xe đã hết hạn sử dụng) với số tiền 130.000.000 đồng. Sau đó, N liên hệ với người đàn ông tên C (chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) ở Thành phố C và cung cấp thông tin nhãn hiệu xe, số khung, số máy của xe 64C-023.18 cho C để làm giấy tờ giả xe quân sự. Khoảng 15 ngày sau, N đến Thành phố C gặp C để lấy giấy tờ xe, biển số xe và

đưa cho C 30.000.000 đồng. C đã giao cho N 01 bộ biển số xe quân sự mang biển kiểm soát TK-65-65 cùng các giấy tờ liên quan, gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8876, 01 giấy phép lưu hành xe, 01 tem kiểm định xe và 01 giấy chứng nhận thu phí đường bộ; N đã gắn biển kiểm soát số TK-65-65 vào xe 64C-023.18 và để tất cả giấy tờ trong cabin xe, sau đó đến cuối tháng 6/2019, N thuê Lâm Thành H điều khiển xe ô tô tải TK-65-65 và yêu cầu H cung cấp giấy chứng minh nhân dân và ảnh 3x4 để N giao cho C làm giả giấy phép lái xe quân sự với số tiền 2.000.000 đồng. Khoảng 7 ngày sau, N nhận được giấy phép lái xe số 1129770 mang tên Lâm Thành H, cấp ngày 12/12/2016 và giao cho H sử dụng để điều khiển xe TK-65-65 vận chuyển hàng hóa thuê từ thành phố H đi tỉnh Long An và ngược lại. (Bút lục 297, 298, 303 – 306)

Đến tháng 6/2020, N tiếp tục mua 01 xe ô tô tải mang biển kiểm soát số 64C-035.13 (xe đã hết hạn sử dụng) của ông Nguyễn Ngọc M với số tiền 120.000.000 đồng, sau đó liên hệ với C và cung cấp thông tin nhãn hiệu xe, số khung, số máy để C làm giấy tờ giả xe quân sự với số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó, C giao cho N 01 biển số xe quân sự mang biển kiểm soát số TK-65-79 cùng các giấy tờ liên quan, gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8875, 01 giấy phép lưu hành xe, 01 tem kiểm định xe và 01 giấy chứng nhận thu phí đường bộ; N đã gắn biển kiểm soát số TK-65-79 vào xe 64C-035.13 và để tất cả giấy tờ trong cabin xe sau đó đến tháng 8/2020 N thuê Lê Kim S điều khiển xe ô tô tải TK-65-79 và yêu cầu S cung cấp giấy chứng minh nhân dân và ảnh 3x4 để N giao cho C làm giả giấy phép lái xe quân sự với số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, N nhận được giấy phép lái xe số 1129784 mang tên Lê Kim S, cấp ngày 31/12/2016 và giao cho S sử dụng để điều khiển xe TK-65-79 vận chuyển vận chuyển hàng hóa thuê từ thành phố H đi tỉnh Long An và ngược lại. (Bút lục 298, 299, 311 – 313)

Đến tháng 8/2020, N tiếp tục mua thêm 01 xe tô tải mang biển kiểm soát số 64H-3572 (xe còn hạn sử dụng 06 tháng) của ông Nguyễn Ngọc M với số tiền 125.000.000 đồng, sau đó liên hệ với C và cung cấp thông tin nhãn hiệu xe, số khung, số máy để C làm giấy tờ giả xe quân sự với số tiền 30.000.000 đồng. Sau

đó C giao cho N 01 biển số xe quân sự mang biển kiểm soát số TK-65-59 cùng các giấy tờ liên quan, gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8879, 01 giấy phép lưu hành xe, 01 tem kiểm định xe và 01 giấy chứng nhận thu phí đường bộ. N đã gắn biển kiểm soát số TK-65-59 vào xe 64H-3572 và để tất cả giấy tờ trong cabin xe sau đó đến đầu tháng 9/2020, N thuê Trương Hải L (sinh năm 1985, ngụ tại khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang) điều khiển xe ô tô tải TK-65-59 vận chuyển hàng hóa thuê từ H đi L An và ngược lại. N không yêu cầu L cung cấp thông tin để làm giả giấy phép lái xe quân sự nên quá trình điều khiển xe TK-65-59, L đã sử dụng bằng lái xe dân sự hạng C của mình. (Bút lục 257, 258, 299)

Đối với 03 xe ô tải TK-65-65, TK-65-79 và TK-65-59 nói trên, từ khi hoạt động vận chuyển hàng hóa thuê đến khi bị phát hiện bắt giữ, Dương Văn N đã làm giả tổng cộng 14 tài liệu giả các loại gồm: 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 04 giấy phép lưu hành xe, 02 giấy phí đường bộ toàn quốc, 03 tem kiểm định xe ô tô và 02 giấy phép lái xe.

Tại Bản kết luận giám định số 54/KL-KTHS ngày 31/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận:

1. Giấy "CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ" số 8879 (ký hiệu A1), giấy "CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ" số 8876 (ký hiệu A2) và giấy "CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ" số 8875 (ký hiệu A3) là giả.

2. "GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE" số 1580736/LH (ký hiệu A4), ""GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE" số 1580999/LH (ký hiệu A5), "GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE" số 1680855/LH (ký hiệu A6) và "GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE" số 1680878/LH (ký hiệu A7) là giả.

3. Giấy "PHÍ ĐƯỜNG BỘ TOÀN QUỐC NĂM 2020" ký hiệu AF/2020, số: 00002015 (ký hiệu A8) và giấy "PHÍ ĐƯỜNG BỘ TOÀN QUỐC NĂM 2020" ký hiệu AF/2020, số 00002012 (ký hiệu A9) là giả.

4. Tem kiểm định xe ô tô, số đăng ký TK-65-59, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật 1580736 (ký hiệu A10), tem kiểm định xe ô tô, số đăng ký TK-65-

65, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật 1580999 (ký hiệu A11) và tem kiểm định xe ô tô, số đăng ký TK-65-79, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật 1680878 (ký hiệu A12) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

5. "GIẤY PHÉP LÁI XE" số 1129770 (ký hiệu A13) và "GIẤY PHÉP LÁI XE" số 1129784 (ký hiệu A14) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

6. Chữ ký mang tên Đại tá Hà Hữu D trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

7. Chữ ký mang tên Đại tá Phạm Văn K trên các mẫu cần giám định ký hiệu A13 và A14 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

8. Chữ ký mang tên Đại tá Trần S trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A4 đến A7 là chữ ký trực tiếp, do không có mẫu so sánh nên không tiến hành giám định. (Bút lục 120 – 122)

Về vật chứng trong vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ, gồm:

1) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 8875, do Cục quản lý xe máy - Bộ Quốc phòng cấp ngày 24/02/2008, do Đại tá Hà Hữu D ký, cấp cho ô tô mang biển số TK-65-79.

2) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 8876, do Cục quản lý xe máy - Bộ Quốc phòng cấp ngày 24/02/2008, do Đại tá Hà Hữu D ký, cấp cho ô tô mang biển số TK-65-65.

3) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 8879, do Cục quản lý xe máy - Bộ Quốc phòng cấp ngày 24/02/2008, do Đại tá Hà Hữu D ký, cấp cho ô tô mang biển số TK-65-59.

4) 02 (hai) Giấy phép lưu hành xe số 1580736 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-59; ký ngày 29/6/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 29/12/2020.

5) 01 (một) giấy phép lưu hành xe số 1680999 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-65; ký ngày 19/8/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 19/3/2021.

6) 01 (một) Giấy phép lưu hành xe số 1680855 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-59; ký ngày 15/3/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 15/9/2020.

7) 01 (một) Giấy phép lưu hành xe số 1680855 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-79; ký ngày 18/6/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 18/12/2020.

8) 01 (một) Giấy phép lái xe số 1129770, mang tên Lâm Thành H; cấp ngày 12/12/2016, người ký Đại tá Phạm Văn K, có giá trị đến ngày 12/12/2021.

9) 01 (một) Giấy phép lái xe số 1129784, mang tên Lê Kim S; cấp ngày 31/12/2016, người ký Đại tá Phạm Văn K, có giá trị đến ngày 31/12/2021.

10) 01 (một) Giấy chứng nhận phí đường bộ toàn quốc năm 2020, xe ô tô tải quân sự; ký hiệu AF/2020, số 00002015.

11) 01 (một) Giấy chứng nhận phí đường bộ toàn quốc năm 2020, xe ô tô tải quân sự; ký hiệu AF/2020, số 00002012.

12) 01 (một) Tem kiểm định xe ô tô số đăng ký TK-65-79, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, số 1680878.

13) 01 (một) Tem kiểm định xe ô tô số đăng ký TK-65-59, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, số 1580736.

14) 01 (một) Tem kiểm định xe ô tô số đăng ký TK-65-65, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, số 1580999.

15) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000575; mang biển kiểm soát số 64C - 023.18, do ông Nguyễn Thành H đứng tên chủ sở hữu.

16) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003222; mang biển kiểm soát số 64C - 035.13, do ông Từ Trung T đứng tên chủ sở hữu.

17) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0000019; mang biển kiểm soát số 64H - 3572, do bà Dương Thúy H đứng tên chủ sở hữu.

18) 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 1134930; phương tiện mang biển đăng ký số 64C – 023.18.

19) 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 1637594; phương tiện mang biển đăng ký số 64H – 3572.

20) 02 (hai) Biển số ô tô màu đỏ mang số TK-65-59 (đã qua sử dụng).

21) 02 (hai) Biển số ô tô màu đỏ mang số TK-65-65 (đã qua sử dụng).

22) 02 (hai) Biển số ô tô màu đỏ mang số TK-65-79 (đã qua sử dụng).

23) 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu đen xám (đã qua sử dụng).

24) 01 (một) xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu HUYNDAI; số khung: 000468; số máy: 128025 (xe đã qua sử dụng).

25) 01 (một) xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu DAEWOO; số khung: 100226; số máy: 500666 (xe đã qua sử dụng).

26) 01 (một) xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu DAEWOO; số khung: 000128; số máy: 400332 (xe đã qua sử dụng).

Các vật chứng mục số 1 đến mục số 26 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đối với người đàn ông tên C có hành vi làm giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan quân sự cung cấp cho Dương Văn N, quá trình điều tra chưa xác định được họ tên, lai lịch cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công thành phố H tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Trương Hải L điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát TK-65-59 vận chuyển hàng hóa cho Dương Văn N nhưng ông L sử dụng giấy phép lái xe dân sự và không sử dụng giấy tờ giả nên không có căn cứ để khởi tố bị can.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm truy tố các bị cáo về Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Dương Văn N, Lâm Thành H, Lê Kim S phạm Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn N mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Thành H hình phạt tiền, mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Kim S hình phạt tiền, mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu huỷ tất cả vật chứng là tài liệu, giấy tờ, biển số giả. Các vật chứng là 03 xe ô tô tải thùng và 01 điện thoại di động đề nghị tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Về số tiền các bị cáo tạm nộp khắc phục hậu quả: Đề nghị trả lại cho các bị cáo.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên, nói rằng không bị oan, không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng minh tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 6/2019 đến tháng 8/2020, Dương Văn N có mua 03 xe ô tô tải (02 xe đã hết thời hạn sử dụng, 01 xe còn niên hạn sử dụng 06 tháng), liên hệ người đàn ông tên C ở Thành phố C (không rõ nhân thân, lai lịch) và cung cấp thông tin nhãn hiệu xe, số khung, số máy, thông tin nhân thân, hình ảnh để thuê người đàn ông tên C làm giả 03 bộ hồ sơ của 03 xe ô tải gắn biển số giả của quân đội mang biển số TK-65-65, TK-65-79 và TK-65-59. Dương Văn N đã giúp sức cho người đàn ông tên C làm giả tổng cộng 14 tài liệu giả các loại gồm: 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 04 giấy phép lưu hành xe, 02 giấy phí đường bộ toàn quốc, 03 tem kiểm định xe ô tô và 02 giấy phép lái xe, qua kết luận giám định, 14 tài liệu trên đều là giả. Hành vi của Dương Văn N làm giả 14 tài liệu của cơ quan quân sự nhằm tránh sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng trong quá trình vận chuyển hàng hóa, mặc dù không bắt được đối tượng đã trực tiếp nhận tiền và làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, nhưng qua lời khai của bị cáo N phù hợp với vật chứng thu giữ và kết luận giám định. Hành vi của bị cáo N giữ vai trò đồng phạm với đối tượng trực tiếp làm giả giấy tờ, tài liệu theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự trong việc thực hiện hành vi làm giả 14 tài liệu của cơ quan tổ chức, nên hành vi của bị cáo N đã phạm vào Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức. Đối với Lâm Thành H và Lê Kim S đã có hành vi cung cấp thông tin nhân thân và hình ảnh của bản thân cho Dương Văn N làm giả 02 giấy phép lái xe quân sự (01 của H, 01 của S) mà không qua đào tạo, sát hạch nhằm tránh sự kiểm tra, kiểm soát trong quá trình vận chuyển hàng hóa. Hành vi của các bị cáo H và S đã đồng phạm với bị cáo N với vai trò giúp sức, phạm vào Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tội phạm và hình phạt quy định như sau:

"Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm. ...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên; ..."

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan quân đội trong quá trình quản lý xe công vụ, nhằm tránh sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng trong việc vận chuyển hàng hóa. Các bị cáo có đủ năng lực nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo N là người có vai trò chính và chịu trách nhiệm chính, là người trực tiếp mua các xe ô tô hết niên hạn sử dụng, không đảm bảo an toàn lưu thông và cung cấp thông tin để làm giả các giấy tờ cho các bị cáo H và S lái xe vận chuyển hàng hóa. Còn các bị cáo H và S là những người cung cấp thông tin nhân thân, hình ảnh cho bị cáo N thuê làm giả giấy phép lái xe quân đội, để tránh sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng trong việc vận chuyển hàng hóa nên có vai trò thứ yếu. Trong vụ án này, các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên sẽ chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với mức độ phạm tội của mình.

[3] Xét về nhân thân: Tài liệu về lý lịch thể hiện các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải, đã nhận ra

được lỗi của mình, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo H và S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo N có hỗ trợ chốt trực 20 thùng mì tôm và 100 kg gạo trong mùa dịch bệnh Covid-19, có xác nhận của Công an xã Y ngày 26/12/2022, vì vậy, cần xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo N.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung. Song cũng xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị cáo N phạm tội mang tính chất nghiêm trọng theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo N mua xe ô tô hết niên hạn sử dụng để vận chuyển hàng hóa liên tỉnh đường dài là không đảm bảo an toàn, nếu không bị phát hiện bắt giữ thì bị cáo còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn tiềm ẩn nguy cơ gây tai nạn khi tham gia giao thông, bị cáo thuê người làm giả giấy tờ, biển số giả của cơ quan quân đội, thể hiện tính xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Nghị cần cách ly bị cáo N khỏi đời sống xã hội trong một thời gian đủ để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, sống và làm việc phải tuân thủ pháp luật, làm người thực sự có ích cho gia đình và xã hội. Đối với hai bị cáo H và S phạm tội theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội với vai trò thứ yếu, nên áp dụng hình phạt tiền cũng đủ nghiêm. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với từng bị cáo là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

[6] Về số tiền tạm nộp khắc phục hậu quả: Bị cáo N đã nộp 51.000.000 đồng, bị cáo H đã nộp được 29.000.000 đồng và bị cáo S đã nộp được 5.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố H. Xét thấy cần trả lại cho các bị

cáo số tiền đã nộp nêu trên. Tuy nhiên, đối với bị cáo H và S bị áp dụng hình phạt tiền nên tiếp tục tạm giữ số tiền đã nộp nêu trên để khấu trừ vào mức phạt tiền nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cần tịch thu tiêu huỷ tất cả vật chứng là tài liệu, giấy tờ, biển số giả. Các vật chứng là 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 03 xe ô tô tải thùng đã hết niên hạn sử dụng, không được phép lưu thông và là phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 341, Điều 17, Điều 38, Điều 35, Điều 51, của Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Văn N, Lâm Thành H, Lê Kim S phạm "Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; xử phạt bị cáo Dương Văn N mức án 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35; xử phạt bị cáo Lâm Thành H hình phạt tiền, mức phạt tiền là 30.000.000

đồng (Ba mươi triệu đồng). Khấu trừ số tiền đã nộp là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0000415 ngày 17/10/2022, số 0000423 ngày 24/11/2022 và số 0000430 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, nên còn hải nộp thêm 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Kim S hình phạt tiền, mức phạt tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Khấu trừ số tiền đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000427 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, nên còn phải nộp thêm 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2. Về số tiền tạm nộp khắc phục hẩu quả: Trả lại cho bị cáo Dương Văn N số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0000413 ngày 11/10/2022 và số 0000420 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu huỷ các vật chứng gồm có:

1) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 8875, do Cục quản lý xe máy - Bộ Quốc phòng cấp ngày 24/02/2008, do Đại tá Hà Hữu D ký, cấp cho ô tô mang biển số TK-65-79.

2) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 8876, do Cục quản lý xe máy - Bộ Quốc phòng cấp ngày 24/02/2008, do Đại tá Hà Hữu D ký, cấp cho ô tô mang biển số TK-65-65.

3) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 8879, do Cục quản lý xe máy - Bộ Quốc phòng cấp ngày 24/02/2008, do Đại tá Hà Hữu D ký, cấp cho ô tô mang biển số TK-65-59.

4) 02 (hai) Giấy phép lưu hành xe số 1580736 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-59; ký ngày 29/6/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 29/12/2020.

5) 01 (một) giấy phép lưu hành xe số 1680999 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-65; ký ngày 19/8/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 19/3/2021.

6) 01 (một) Giấy phép lưu hành xe số 1680855 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-59; ký ngày 15/3/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 15/9/2020.

7) 01 (một) Giấy phép lưu hành xe số 1680855 của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng kinh tế cấp cho xe có số đăng ký TK-65-79; ký ngày 18/6/2020, người ký Đại tá Trần S, có giá trị đến ngày 18/12/2020.

8) 01 (một) Giấy phép lái xe số 1129770, mang tên Lâm Thành H; cấp ngày 12/12/2016, người ký Đại tá Phạm Văn K, có giá trị đến ngày 12/12/2021.

9) 01 (một) Giấy phép lái xe số 1129784, mang tên Lê Kim S; cấp ngày 31/12/2016, người ký Đại tá Phạm Văn K, có giá trị đến ngày 31/12/2021.

10) 01 (một) Giấy chứng nhận phí đường bộ toàn quốc năm 2020, xe ô tô tải quân sự; ký hiệu AF/2020, số 00002015.

11) 01 (một) Giấy chứng nhận phí đường bộ toàn quốc năm 2020, xe ô tô tải quân sự; ký hiệu AF/2020, số 00002012.

12) 01 (một) Tem kiểm định xe ô tô số đăng ký TK-65-79, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, số 1680878.

13) 01 (một) Tem kiểm định xe ô tô số đăng ký TK-65-59, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, số 1580736.

14) 01 (một) Tem kiểm định xe ô tô số đăng ký TK-65-65, số giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, số 1580999.

15) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000575; mang biển kiểm soát số 64C - 023.18, do ông Nguyễn Thành H đứng tên chủ sở hữu.

16) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003222; mang biển kiểm soát số 64C - 035.13, do ông Từ Trung T đứng tên chủ sở hữu.

17) 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0000019; mang biển kiểm soát số 64H - 3572, do bà Dương Thúy H đứng tên chủ sở hữu.

18) 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 1134930; phương tiện mang biển đăng ký số 64C – 023.18.

19) 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 1637594; phương tiện mang biển đăng ký số 64H – 3572.

20) 02 (hai) Biển số ô tô màu đỏ mang số TK-65-59 (đã qua sử dụng).

21) 02 (hai) Biển số ô tô màu đỏ mang số TK-65-65 (đã qua sử dụng).

22) 02 (hai) Biển số ô tô màu đỏ mang số TK-65-79 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách nhà nước gồm có:

1) 01 (một) xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu HUYNDAI; số khung: 000468; số máy: 128025 (xe đã qua sử dụng).

2) 01 (một) xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu DAEWOO; số khung: 100226; số máy: 500666 (xe đã qua sử dụng).

3) 01 (một) xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu DAEWOO; số khung: 000128; số máy: 400332 (xe đã qua sử dụng).

4) 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu đen xám (đã qua sử dụng).

Các vật chứng nêu trên hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKSHT ngày 17/11/2022, Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKSHT ngày 21/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/11/2022, Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/5/2023 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Công an Tp. H;
- UBND phương Đ, H-KG;
- UBND phương P, H-KG;
- UBND xã V, C-AG;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Chí Dũng